

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Bà Trịnh Thị Sớm.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc D, địa chỉ cư trú và làm việc: Lữ đoàn V, tại Thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhau tại tổ dân phố V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D thường xuyên vắng mặt tại gia đình, thiếu trách nhiệm đóng góp tài chính trong kinh tế, sinh hoạt gia đình, lại thêm chơi cờ bạc dẫn đến phá tán tài sản, gia đình đã phải chuyển nhượng nhà đất, trả nợ rất nhiều tiền, mặc dù chị phải thuê nhà cho 03 mẹ con sinh sống, nhưng nhiều chủ nợ vẫn đòi nợ tiền anh, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của 03 mẹ con chị. Anh D nhiều lần cam đoan sửa đổi và chị nhiều lần cho anh D cơ hội, nhưng không có kết quả thay đổi. Hiện tại, 03 mẹ con chị đang ở nhà trọ, anh D ở trong doanh trại bộ đội, nên hai bên sống ly thân với nhau thời gian dài. Chị không thể tiếp tục chung sống với anh D, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Ngọc D. Về con chung: Chị và anh Phạm Ngọc D có 02 con chung là Phạm Ngọc Bảo A, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2017. Toàn bộ chi phí liên quan việc học tập, thuê nhà ở cho 02 con đều do chị chi phí trong khoản tiền thu nhập hàng tháng. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Ngọc D trình bày:

Anh thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung và tài sản chung như chị T trình bày. Anh công tác thường xuyên vắng nhà và có mặt chơi với con vào tối thứ 3, thứ 5 hàng tuần. Thu nhập hàng tháng của anh trên 10 triệu đồng nhưng phải trả nợ do đánh bạc với hình thức chơi lô, đề. Anh thừa nhận việc bán nhà đất để trả nợ đánh bạc và không đưa tiền lương giúp chị T sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên mong muốn gia đình được đoàn tụ. Về con chung: Không ý kiến về vấn đề nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Phạm Ngọc D đã cơ bản tuân thủ đúng các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81,

82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc D. Về con chung: Giao con Phạm Ngọc Bảo A, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Phạm Ngọc D hiện đang cư trú, làm việc tại huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03 tháng 6 năm 2014, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở ý kiến của nguyên đơn, thừa nhận của bị đơn về nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh D thiếu thời gian chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; thiếu đóng góp phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình; thu nhập hàng tháng của anh D chủ yếu trả nợ phát sinh anh đánh bạc với hình thức lô, đề. Việc bán nhà đất của gia đình để trả nợ đánh bạc của anh thể hiện rõ ràng việc phá tán tài sản chung của gia đình dẫn đến tình trạng chị T cùng 02 con phải tự thuê, trả tiền thuê nhà ở. Ý kiến của đương sự thống nhất việc anh D nhiều lần cam đoan sửa đổi không đánh bạc, phải chia sẻ chung việc đóng góp nhu cầu thiết yếu sinh hoạt gia đình, có trách nhiệm chung quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng các con, nhưng không có kết quả thay đổi. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Ngọc D có 02 con chung là Phạm Ngọc Bảo A, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Phạm Ngọc D,

sinh ngày 25 tháng 8 năm 2017. Tại phiên toà, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D xin đoàn tụ nên không có ý kiến về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của nguyên đơn, bị đơn về thực trạng chăm sóc, nuôi dưỡng, bố trí chỗ ở, học tập, chi phí liên quan học tập và các nhu cầu thiết yếu, thì anh D không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng các con và chị T có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng 02 con bảo đảm chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao hai con Phạm Ngọc Bảo A, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc D.

2. Về con chung: Giao con Phạm Ngọc Bảo A, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Phạm Ngọc D, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001346 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh